

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 20/2021/HNGĐ.ST
Ngày: 16 - 4 - 2021
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mười Hai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Phong
2. Ông Hồ Trung Hậu

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kim Hồ

- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long (không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa sơ thẩm).

Ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 09/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021, về việc: Tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXX-ST ngày 12 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Duy T**, sinh năm 1997 (có mặt). Địa chỉ: Ấp 10, xã T P, huyện K S, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Tường V**, sinh năm 1995 (vắng mặt). Nơi đăng ký thường trú: Ấp 10, xã T P, huyện K S, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ: Ấp M H, xã N V T, huyện B T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 26/02/2021, anh Nguyễn Duy T trình bày: Anh và Nguyễn Thị Tường V qua tìm hiểu, tổ chức đám cưới vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N V T (huyện B T, tỉnh Vĩnh Long) ngày 05/7/2018. Sau khi cưới vợ chồng sinh sống tại ấp 10, xã T P, huyện K S, tỉnh Sóc Trăng. Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Duy B, sinh ngày 23/7/ 2016 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 03/11/2018.

Mâu thuẫn: Do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hay cự cãi, tình cảm vợ chồng không còn nên ly thân từ ngày 16/02/2020 cho đến nay. Hiện chị Tường V về nhà cha mẹ ruột ở ấp M H, xã N V T, huyện B T, tỉnh Vĩnh Long nên mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai.

Anh T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Tường Vi.

Về con chung: Đồng ý để chị Tường V tiếp tục chăm sóc 02 con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Duy T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, mâu thuẫn xảy ra đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, từ lúc ly thân ngày 16/02/2020 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau. Về con chung: Nguyễn Duy B, sinh ngày 23/7/2016 và cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 03/11/2018 hiện chị Tường V đang chăm sóc từ lúc ly thân nên đồng ý để chị Tường V tiếp tục nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét anh Nguyễn Duy T yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Tường Vi, chị Tường V có nơi cư trú thuộc huyện Bình Tân nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Xét chị Tường V đã được triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa vào các ngày 30/03/2021, ngày 16/4/2021 nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt chị Tường V là đảm bảo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét anh Tân và chị Tường V tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn xảy ra đã lâu, vợ chồng đã ly thân từ ngày 16/02/2020 cho đến nay. Hiện tại mỗi người có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai nên xét tình cảm vợ chồng không còn. Tòa án đã mời chị Tường V đến hòa giải để vợ chồng có điều kiện hàn gắn nhưng chị Tường V vắng mặt, thể hiện chị Tường V đã không muốn cải thiện tình cảm vợ chồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận để anh T được ly hôn với chị Tường V là có căn cứ.

[3] Xét về 02 con chung là Nguyễn Duy B (sinh ngày 23/7/2016) và Nguyễn Gia H (sinh ngày 03/11/2018); hiện nay do Nguyễn Thị Tường V chăm sóc nuôi dưỡng từ nhỏ, anh T đồng ý để chị Tường V được tiếp tục nuôi 02 con, chị Tường V chưa có ý kiến tranh chấp về việc nuôi con hay yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận, để chị Tường V được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là phù hợp.

[4] Xét về nợ chung và tài sản chung: Anh T và chị Tường V không có tranh chấp và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Duy T phải nộp án phí là 300.000đ theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 144, Điều 147 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Duy T.

1.1. Anh Nguyễn Duy T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Tường V.

1.2. Về con chung: Công nhận chị Nguyễn Thị Tường V được tiếp tục chăm sóc 02 con chung tên Nguyễn Duy B (sinh ngày 23/7/2016) và Nguyễn Gia H (sinh ngày 03/11/2018). Anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền ngăn cản.

Vì quyền lợi của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Duy T phải nộp 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*), số tiền án phí phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số: 0011805 ngày 12/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV và THA): 01;
- VKSND huyện Bình Tân: 01;
- CCTHADS huyện Bình Tân: 01;
- Các đương sự: 02;
- UBND xã N V T (h.B T, tỉnh Vĩnh Long): 01;
- Lưu: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Mười Hai